

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/9/2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Chân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Thanh Hào;

- Bà Trương Thị Bích Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HN&GD ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HN ngày 23/6/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Q, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ Y, khóm Vĩnh Đông 1, phường NS, thành phố X.

*Bị đơn:* Ông Trần Phước Nh, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ Y, khóm Vĩnh Đông 1, phường NS, thành phố X, (ông Nh vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:* Bà và ông Nh, tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/HT, quyển số 01/2012 ngày 26/10/2012. Quá trình chung sống sinh được 02 con chung tên Trần Thanh E, sinh ngày 03/9/2012 và Trần Thanh U, sinh ngày 19/6/2016. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh Nh mâu

thuần, thường xuyên cãi vã, kể từ năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân do ông Nh thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Nh; yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung tên Trần Thanh E, sinh ngày 03/9/2012 và Trần Thanh U, sinh ngày 19/6/2016; không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Trần Phước Nh thống nhất với lời khai của bà Q về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, địa điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và về con chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông cũng có nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình, nhưng mâu thuẫn không lớn. Bà Q và ông Nh không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn, một phần là vợ chồng không thể ngồi nói chuyện với nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn thương vợ nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q. Tuy nhiên, trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, chấp nhận giao 02 con chung tên Trần Thanh E, sinh ngày 03/9/2012 và Trần Thanh U, sinh ngày 19/6/2016 cho bà Quyến nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Q và ông Nh có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn niềm tin dành cho nhau, ông Nh mong

muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng lại không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, ông Nh thừa nhận vợ, chồng phát sinh Nh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông cũng có nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình, dùng lời lẽ xúc phạm bà Q và người thân bà rất Nh lần, và có lần xảy ra xô xát được chính quyền địa phương mời làm việc, động viên hòa giải, phù hợp với kết quả xác minh tại Ban khóm Vĩnh Đông 1, phường NS. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Q yêu cầu ly hôn với ông Nh là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh E, sinh ngày 03/9/2012 và Trần Thanh U, sinh ngày 19/6/2016 hiện do bà Q và ông Nh đang nuôi dạy cả hai thống nhất giao con chung cho bà Q nuôi dạy, ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung và việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Xét công nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nh. Ông Nh cư trú tại Tổ Y, khóm Vĩnh Đông 1, phường NS, thành phố X, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông Nh, tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/HT, quyển số 01/2012 ngày 26/10/2012 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn niềm tin dành cho nhau, ông Nh mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng lại không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, ông Nh thừa nhận vợ, chồng phát sinh Nh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông cũng có nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình, dùng lời lẽ xúc phạm bà Q và người thân bà rất Nh lần, và có lần xảy ra xô xát được chính quyền địa phương mời làm việc, động viên hòa giải, phù hợp với kết quả xác minh tại Ban khóm Vĩnh Đông 1, phường NS. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc ly hôn với ông Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Q, ông Nh cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ, chồng có 02 con chung tên Trần Thanh E, sinh ngày 03/9/2012 và Trần Thanh U, sinh ngày 19/6/2016 hiện do bà Q và ông Nh đang nuôi dạy cả hai thống nhất giao con chung cho bà Q nuôi dạy, ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q về việc được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung.

Bà Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Q yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004342 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Trần Phước Nh không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Trần Phước Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82/HT, Quyền số 01/2012 ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã VT, thị xã (nay thành phố) X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Bà Lê Thị Q được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Trần Thanh E, sinh ngày 03/9/2012 và Trần Thanh U, sinh ngày 19/6/2016. Ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004342 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Trần Phước Nh không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Q, ông Trần Phước Nh là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Chân**